

Số: /SGDDĐT-GDTrH

Bình Phước, ngày tháng 01 năm 2021

V/v thông báo cấu trúc đề thi Olympic
19/5 cấp tỉnh áp dụng từ năm học
2020-2021

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc.

Thực hiện Công văn số 2803/SGDDĐT-GDTrH ngày 16 /9/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc triển khai nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2020-2021; Công văn số 415/SGDDĐT-GDTrH ngày 16/02/2017 của Sở GDĐT về việc ban hành Điều lệ Kỳ thi Olympic 19/5 cấp tỉnh các môn học lớp 10 và lớp 11;

Thực hiện Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ GDĐT và Công văn số 2583/SGDDĐT-GDTrH ngày 31/8/2020 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS và THPT;

Sở GDĐT thông báo đến các đơn vị cấu trúc đề thi Olympic 19/5 cấp tỉnh áp dụng từ năm học 2020-2021 như sau:

(Cấu trúc các môn học đính kèm Công văn này).

Nhận được Công văn này, Sở GDĐT đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Mọi vướng mắc trong quá trình triển khai đề nghị liên hệ về Sở GDĐT (qua phòng GDTrH) số điện thoại 02713879107 hoặc địa chỉ email: trunghoc@binhphuoc.edu.vn để được hướng dẫn, giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GDTrH.

GIÁM ĐỐC

CẤU TRÚC ĐỀ THI OLYMPIC 19/5 CẤP TỈNH
ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2020-2021
MÔN TOÁN THPT – thời gian làm bài 180 phút

(Đính kèm Công văn số: /SGDDT-GDTrH ngày tháng 01 năm 2021)

I. LỚP 10 (đề thi tự luận gồm 7 câu, 20 điểm).

Câu 1 (3 điểm). Tìm tham số để phương trình thỏa điều kiện cho trước (có sử dụng định lý Viet) - **Mức 2.**

Câu 2 (3 điểm). Giải bất phương trình - **Mức 3.**

Câu 3 (2 điểm). Giải hệ phương trình - **Mức 2.**

Câu 4 (2 điểm). Tích vô hướng của hai vectơ, hệ thức lượng trong tam giác - **Mức 2.**

Câu 5 (2 điểm). Lượng giác (nhận dạng tam giác, tính giá trị biểu thức, chứng minh đẳng thức) - **Mức 2.**

Câu 6 (2 điểm). Chứng minh bất đẳng thức, tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của biểu thức đại số (chỉ vận dụng Bất đẳng thức Cauchy, biến đổi tương đương) - **Mức 4.**

Câu 7 (6 điểm). Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng (gồm 2 ý: các dạng toán về đường thẳng, đường tròn) - **Mức 2 + Mức 4.**

II. LỚP 11 (đề thi tự luận gồm 7 câu, 20 điểm).

Câu 1 (2 điểm). Giải phương trình hoặc hệ phương trình - **Mức 2.**

Câu 2 (2 điểm). Chứng minh bất đẳng thức, tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của biểu thức đại số - **Mức 4.**

Câu 3 (2 điểm). Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng (đường thẳng, đường tròn) - **Mức 3.**

Câu 4 (2 điểm). Giới hạn, hàm số liên tục - **Mức 2.**

Câu 5 (3 điểm). Phương trình lượng giác - **Mức 2.**

Câu 6 (4 điểm). Hình học không gian tổng hợp.

a. (2 điểm). Các bài toán chứng minh tính chất của hình học không gian: điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong quan hệ song song, quan hệ vuông góc; xác định thiết diện - **Mức 2.**

b. (2 điểm). Tính góc, tính khoảng cách, tính diện tích thiết diện - **Mức 3.**

Câu 7 (5 điểm). Đại số tổ hợp.

a. (1,5 điểm). Quy tắc đếm, hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp - **Mức 2.**

b. (1,5 điểm). Xác suất - **Mức 4.**

c. (2 điểm). Nhị thức Newton - **Mức 3.**

**CẤU TRÚC ĐỀ THI OLYMPIC 19/5 CẤP TỈNH
ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2020-2021
MÔN NGỮ VĂN LỚP 10 VÀ LỚP 11 – Thời gian: 180 phút**

(Đính kèm Công văn số: /SGDDT-GDTrH ngày tháng 01 năm 2021)

- a. Cấu trúc:* gồm 02 câu
- Nghị luận xã hội: 08 điểm
- Nghị luận văn học: 12 điểm
b. Nội dung: Bám sát chương trình hiện hành khối 10, 11.

CẤU TRÚC ĐỀ THI OLYMPIC 19/5 CẤP TỈNH
ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2020-2021
MÔN TIẾNG ANH LỚP 10 VÀ LỚP 11 – Thời gian 180 phút

(Đính kèm Công văn số: /SGDDT-GDTrH ngày tháng 01 năm 2021)

I. LISTENING (3.0 POINTS- 0.2/each): 15 sents

Part 1: Fill in the missing words: 5 sents

Part 2: True / False: 5 sents

Part 3: Multiple choice: 5 sents

II. USE OF LANGUAGE (7.0 POINTS): 55 sents

Part 1: Phonetics: 1.0 point – 0.1/each: 10 sents

+ Pronunciation: 5 sents

+ Stress: 5 sents

Part 2: Vocabulary & structures: 5.0 points – 0.125/each: 40 sents

Part 3: Error correction: 1.0 point – 0.2/each: 5 sents

III. READING (5.0 POINTS – 0.2/each): 25 sents

Part 1: Guided cloze test: 2.0 points: 10 sents

Part 2: Multiple choice: 2.0 points: 10 sents

Part 3: Heading matching: 1.0 point: 5 sents

IV. WRITING: (5.0 POINTS)

Part 1: Sentence transformation: 2.0 points - 0.2/ each (10 sents)

Part 2: Essay: 3.0 points

**CẤU TRÚC ĐỀ THI OLYMPIC 19/5 CẤP TỈNH
ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2020-2021
MÔN VẬT LÝ THPT – thời gian làm bài 180 phút**

(Đính kèm Công văn số: /SGDDĐT-GDTrH ngày tháng 01 năm 2021)

*** Nội dung đề thi thuộc chương trình chuẩn. Cụ thể:**

I. Khối 10:

Bài 1: Động học chất điểm:

- + Bài toán về chuyển động thẳng đều.
- + Bài toán về chuyển động thẳng biến đổi đều.
- + Bài toán về chuyển động ném ngang.
- + Bài toán về chuyển động tròn đều – chuyển động của hình chiếu của chuyển động tròn đều lên một trục $x'x$.

Bài 2: Động lực học chất điểm: Bài toán liên quan đến con lắc lò xo, con lắc đơn theo đúng định hướng của thi tốt nghiệp THPT QG, không xét lực ma sát, lực cản nói chung.

Bài 3: Các định luật bảo toàn:

- + Bảo toàn động lượng.
- + Bảo toàn cơ năng. (không xét bài toán va chạm đàn hồi)

Bài 4: Bài toán về phương trình trạng thái và các đẳng quá trình.

Bài 5: Thực hành: Lấy ý tưởng từ các bài thực hành, bài tính sai số trong SGK Vật lí 10 chương trình chuẩn.

II. Khối 11:

Bài 1: Bài toán về tương tác tĩnh điện và chuyển động của điện tích trong điện trường đều.

Bài 2: Bài toán về mạch điện không đổi (không có máy thu).

Bài 3: Bài toán về từ trường và cảm ứng điện từ:

- + Bài toán xác định vec-tơ cảm ứng từ tại một điểm do dòng điện trong các dây dẫn có hình dạng đặc biệt gây ra; xác định vec-tơ cảm ứng từ tổng hợp.
- + Bài toán về suất điện động cảm ứng xuất hiện trong khung dây.
- + Bài toán về hiện tượng tự cảm.

Bài 4: Bài toán về quang hình:

- + Bài toán về sự khúc xạ, phản xạ toàn phần.
- + Bài toán chỉ có một thấu kính.

Bài 5: Thực hành:

- + Lấy ý tưởng từ các bài thực hành trong SGK Vật lí 11 chương trình chuẩn.
- + Xử lí số liệu, tính sai số trong thực hành.

CẤU TRÚC ĐỀ THI OLYMPIC 19/5 CẤP TỈNH
ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2020-2021
MÔN HÓA HỌC THPT – Thời gian làm bài 180 phút

(Đính kèm Công văn số: /SGDDT-GDTrH ngày tháng 01 năm 2021)

I. KHỐI 10

1. NỘI DUNG ÔN TẬP

Chương 1: CẤU TẠO NGUYÊN TỬ

- Thành phần cấu tạo nguyên tử
- Hạt nhân nguyên tử
- Vỏ nguyên tử
- Orbitan nguyên tử. Cấu hình electron nguyên tử và ion. Ý nghĩa 4 số lượng tử.

Đặc điểm lớp electron ngoài cùng

Chương 2: BẢNG TUẦN HOÀN VÀ ĐỊNH LUẬT TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC

- Cấu tạo bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (Số thứ tự, chu kỳ, nhóm nguyên tố, khối nguyên tố) liên hệ với cấu hình electron nguyên tử.
- Định luật tuần hoàn. Sự biến thiên cấu hình electron nguyên tử, một số đại lượng vật lý, tính chất các nguyên tố, thành phần và tính chất của các hợp chất.

Chương 3: LIÊN KẾT HÓA HỌC

- Đại cương về liên kết hóa học (liên kết cộng hóa trị, ion, kim loại).
- Mạng lưới tinh thể ion, phân tử, nguyên tử, kim loại. Cách xác định số đơn vị cấu trúc trong một ô mạng cơ bản, độ đặc khí.

Chương 4 : PHẢN ỨNG OXI HÓA KHỬ

- Số oxi hóa: định nghĩa, quy tắc xác định số oxi hóa của nguyên tố, ý nghĩa.
- Phản ứng oxi hóa khử: khái niệm, phân loại, một số phương pháp cân bằng và bảo túc các dạng phản ứng oxi hóa khử quan trọng.

Chương 5 : LÝ THUYẾT VỀ PHẢN ỨNG HÓA HỌC

- Khái niệm nhiệt trong hóa học: nhiệt phản ứng, nhiệt tạo thành, nhiệt, nhiệt hòa tan, năng lượng liên kết, năng lượng mạng lưới, chu trình Born - Haber Định luật Hess và các hệ quả. Tính hiệu ứng nhiệt của phản ứng.

- Chiều và giới hạn tự diễn biến của các quá trình.

- Các khái niệm: biến thiên entanpi ΔH , biến thiên entropi ΔS và biến thiên thế đẳng áp ΔG . Mối liên hệ giữa các đại lượng trên.

- Tốc độ phản ứng hóa học: khái niệm, các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng hóa học.

- Cân bằng hóa học: Phản ứng thuận nghịch. Cân bằng hóa học. Hằng số cân bằng. Các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng. Sự chuyển dời cân bằng. Năng lượng tự do ΔG và cân bằng hóa học

Chương 6: NHÓM HALOGEN

- Khái quát về nhóm Halogen.
- Clo – Axit clohidric – Muối clorua – Một số hợp chất chứa oxi của clo.
- Flo – Brom – Iot

Chương 7: NHÓM OXI – LƯU HUỖNH

- Khái quát về nhóm VI_A

- Oxi, ozon , nước, hidropeoxit.
- Lưu huỳnh, hidro sunfua, các oxit của lưu huỳnh, axit sunfuric, muối sunfat.

2. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

Câu 1 (4 điểm): Cấu tạo nguyên tử. Hệ thống tuần hoàn

Câu 2 (4 điểm): Phản ứng oxi hóa – khử. Liên kết hóa học.

Câu 3 (4 điểm): Lý thuyết về phản ứng hóa học.

Câu 4 (6 điểm): Phi Kim (Nhóm Halogen và nhóm oxi)

Câu 5 (2 điểm): + Ứng dụng thực tế.
+ Thực hành, thí nghiệm.

II. LỚP 11

1. Nội dung ôn tập

- Chương 1: SỰ ĐIỆN LI VÀ PHẢN ỨNG TRAO ĐỔI ION

1. Khái niệm về dung dịch. Sự hòa tan. Độ tan.
2. Sự điện li. Chất điện li. Độ điện li. Hằng số điện li. Định luật bảo toàn nồng độ.
3. Axit – bazơ – muối: định nghĩa, phân loại, danh pháp, tính chất chung, tính axit – bazơ của các ion. Phản ứng trao đổi ion.
4. Tích số ion của nước, ý nghĩa. Dung dịch axit - bazơ. pH và chất chỉ thị axit - bazơ.
5. Cân bằng trong dung dịch các hệ: axit – bazơ.

- Chương 2 : NHÓM V_A

1. Nitơ
2. Amoniac và muối amoni
3. Các oxit của nitơ
4. Axit nitric và muối nitrat
5. Photpho – axit photphoric và muối photphat
6. Phân bón hoá học

- Chương 3: NHÓM IV_A

1. Cacbon và các hợp chất của cacbon
2. Silic và các hợp chất của silic

- Chương 4: ĐẠI CƯƠNG VỀ HỢP CHẤT HỮU CƠ

1. Hoá học hữu cơ và hợp chất hữu cơ – Phân loại hợp chất hữu cơ
2. Công thức phân tử hợp chất hữu cơ: Phân tích nguyên tố - Xác định khối lượng phân tử - Các phương pháp thiết lập xác định công thức phân tử hợp chất hữu cơ
3. Cấu tạo hợp chất hữu cơ: Thuyết cấu tạo hoá học – Đồng đẳng – Đồng phân – Đại cương về hoá học lập thể
4. Hiệu ứng electron – sự tương tác qua lại giữa các nguyên tử trong phân tử. Ảnh hưởng của hiệu ứng electron lên một số tính chất vật lý, hoá học.

- Chương 5: HIDROCACBON NO

1. Mở đầu về hidrocarbon no
2. Ankan: Cấu tạo. Tính chất vật lý, tính chất hoá học: Phản ứng thế, đề hidro hoá, cracking, cháy. Ứng dụng và điều chế
3. Xicloankan: Cấu tạo. Tính chất vật lý và hoá học: phản ứng cộng mở vòng, phản ứng thế, phản ứng cháy.

- Chương 6: HIDROCACBON CHỨA NO

1. Anken: Cấu tạo. Tính chất vật lý và hoá học: Phản ứng cộng, phản ứng trùng hợp, phản ứng oxi hoá, phân tích cấu trúc. Ứng dụng và điều chế

2. Ankadien – Cao su: Cấu tạo. Tính chất vật lý và hoá học: Phản ứng cộng phản ứng trùng hợp. Ứng dụng và điều chế

3. Ankin: Cấu tạo. Tính chất vật lý và hoá học: phản ứng cộng, phản ứng trùng hợp, phản ứng thế nguyên tử H, phản ứng oxi hoá. Ứng dụng và điều chế

- Chương 7: HIDROCACBON THƠM

1. Benzen và đồng đẳng: Cấu tạo (hệ thơm – quy tắc Huckel) – Tính chất vật lý và hoá học: phản ứng thế, phản ứng cộng, phản ứng oxi hoá. Ứng dụng và điều chế

2. Một số hydrocarbon thơm khác (sitren và naphtalen).

- Chương 8: DẪN XUẤT HALOGEN

1. Dẫn xuất halogen

- Chương 9: ANCOL – PHENOL - ETE

1. Ancol: Cấu tạo. Tính chất vật lý và hoá học: Phản ứng thế, phản ứng tách, phản ứng oxi hoá. Ứng dụng và điều chế.

2. Phenol: Cấu tạo. Tính chất vật lý và hoá học. Ứng dụng và điều chế.

3. Ete: Cấu tạo

- Chương 10: HỢP CHẤT CACBONYL

1. Andehit – Xeton: Cấu tạo. Tính chất vật lý và hoá học (phản ứng cộng, phản ứng oxi hoá khử). Ứng dụng, điều chế.

2. Axit cacboxylic: Cấu tạo. Tính chất vật lý và hoá học (Tính axit, phản ứng thế tạo dẫn xuất axit, phản ứng gốc hydrocarbon...). Ứng dụng, điều chế.

2. Cấu trúc đề thi

Câu 1 (4 điểm): Sự điện li và phản ứng trao đổi ion trong dung dịch.

Câu 2 (4 điểm): Hóa vô cơ phi kim (nhóm VA và IVA).

Câu 3 (5 điểm): Đại cương hóa hữu cơ – Hydrocarbon.

Câu 4 (5 điểm): Hợp chất hữu cơ có nhóm chức. (DẪN XUẤT HALOGEN, ANCOL, PHENOL, ANDHIT, AXIT)

Câu 5 (2 điểm):

+ Ứng dụng thực tế.

+ Thực hành, thí nghiệm.

**CẤU TRÚC ĐỀ THI OLYMPIC 19/5 CẤP TỈNH
ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2020-2021
MÔN SINH HỌC THPT – thời gian làm bài 180 phút**

(Đính kèm Công văn số: /SGDDT-GDTrH ngày tháng 01 năm 2021)

I. LỚP 10: Đề gồm 05 câu, 20 điểm

- Câu 1. (3 điểm) Thành phần hóa học của tế bào.
Câu 2. (4 điểm) Cấu trúc và chức năng của tế bào.
Câu 3. (4 điểm) Trao đổi chất và năng lượng.
Câu 4. (4 điểm) Vi sinh vật
Câu 5.

- 5.1. (2 điểm) Bài tập tế bào
5.2. (2 điểm) Bài tập phân tử

II. LỚP 11: Đề gồm 05 câu, 20 điểm

- Câu 1. (4 điểm) Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở thực vật.
Câu 2. (4 điểm) Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở động vật.
Câu 3. (4 điểm) Cảm ứng và vận động ở động vật
Câu 4. (4 điểm) Sinh trưởng và phát triển (động vật và thực vật).
Câu 5. (4 điểm) Bài tập quy luật di truyền (Quy luật phân ly, Quy luật phân ly độc lập, Quy luật di truyền liên kết và hoán vị gen)

CẤU TRÚC ĐỀ THI OLYMPIC 19/5 CẤP TỈNH
ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2020-2021
MÔN LỊCH SỬ THPT - Thời gian 180 phút

(Đính kèm Công văn số: /SGDDT-GDTrH ngày tháng 01 năm 2021)

- Đề thi tự luận gồm 05 câu. Tổng số điểm: 20 điểm.

I. Lớp 10: (Chương trình SGK Lịch Sử 10 – nâng cao)

STT	PHẦN	NỘI DUNG
1	Lịch Sử Thế Giới	Bài 3: Các quốc gia cổ đại phương Đông
		Bài 4: Các quốc gia cổ đại phương Tây – Hi Lạp và Rô - ma
		Bài 14: Xã hội phong kiến Tây Âu
		Bài 16: Những phát kiến lớn về địa lý
2	Lịch Sử Việt Nam	Bài 28: Xây dựng và phát triển nhà nước độc lập thống nhất (từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XV).
		Bài 31: Xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc (Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV).
		Bài 38: Sự thành lập và tổ chức vương triều Nguyễn
		Bài 39: Tình hình kinh tế xã hội nửa đầu thế kỉ XIX
		Bài 40: Đời sống văn hóa- tư tưởng nửa đầu thế kỉ XIX

II. Lớp 11: (Chương trình SGK Lịch Sử 11 – nâng cao)

STT	PHẦN	NỘI DUNG
1	Lịch Sử Thế Giới	Bài 4: Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.
		Bài 18: Các nước Đông Nam Á (Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX)
		Bài 21: Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918)
2	Lịch Sử Việt Nam	Bài 33: Việt Nam trước nguy cơ bị Pháp xâm lược
		Bài 34: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858-1884)
		Bài 37: Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội và tư tưởng ở Việt Nam đầu thế kỉ XX
		Bài 38: Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914)
		Bài 40: Sự khởi đầu của một khuynh hướng cứu nước mới trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam.

**CẤU TRÚC ĐỀ THI OLYMPIC 19/5 CẤP TỈNH
ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2020-2021
MÔN ĐỊA LÝ THPT – Thời gian làm bài 180 phút**

(Đính kèm Công văn số: /SGDDT-GDTrH ngày tháng 01 năm 2021)

I. LỚP 10:

* **NỘI DUNG:** Theo Chương trình Địa lí lớp 10 nâng cao

1. Lí thuyết:

Phần thứ nhất: Địa lí tự nhiên:

- Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất
 - Hệ quả chuyển động tự quay của Trái Đất.
 - Hệ quả chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất.
- Khí quyển
 - Sự phân bố của nhiệt độ không khí trên Trái Đất.
 - Sự phân bố khí áp, một số loại gió chính.
 - Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa. Sự phân bố mưa.
- Thủy quyển
 - Thủy quyển. Tuần hoàn của nước trên Trái Đất.
 - Một số nhân tố ảnh hưởng tới tốc độ dòng chảy và chế độ nước sông.
- Một số quy luật của lớp vỏ địa lí
 - Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.
 - Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới.

Phần thứ hai: Địa lí kinh tế - xã hội:

- Địa lí dân cư.
- Địa lí nông nghiệp.
- Địa lí công nghiệp.
- Địa lí dịch vụ.

2. Thực hành:

- Phần hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất: Bài tập tính giờ; vận dụng lí thuyết để giải thích.
- Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích (lấy số liệu của thế giới hoặc của thế giới trong đó có Việt Nam).
- Đọc và khai thác các kiến thức từ bản đồ, lược đồ, sơ đồ, bảng số liệu... liên quan đến các nội dung trên.

HS có các kĩ năng tính toán: cách tính tỉ trọng; tốc độ tăng trưởng; lương thực bình quân đầu người (kg/người); tổng giá trị xuất nhập khẩu, cán cân xuất nhập khẩu, giá trị xuất khẩu, giá trị nhập khẩu, tỉ lệ xuất nhập khẩu; mật độ dân số trung bình, tỉ suất sinh thô, tỉ suất tử thô, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên, tỉ lệ gia tăng dân số; tính năng suất (tạ/ha); sản lượng...

* **CẤU TRÚC ĐỀ THI OLYMPIC ĐỊA LÝ 10:** Đề thi gồm 5 câu:

1. Địa lí tự nhiên: 2 câu, 8 điểm:

- Câu 1** (3 điểm): Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất.
- Câu 2** (5 điểm): Khí quyển; Thủy quyển; Một số quy luật của lớp vỏ địa lí.

2. Địa lí kinh tế - xã hội: 3 câu, 12 điểm:

- **Câu 3** (4 điểm): Địa lí dân cư; Địa lí nông nghiệp.
- **Câu 4** (4 điểm): Địa lí công nghiệp; Địa lí dịch vụ.
- **Câu 5** (4 điểm): Vẽ biểu đồ - nhận xét - giải thích hoặc nhận xét bảng số liệu - giải thích, hoặc phân tích bản đồ, lược đồ, sơ đồ (nội dung trong phần địa lí kinh tế - xã hội).

II. LỚP 11:

*** NỘI DUNG: Theo Chương trình Địa lí lớp 11, 12 nâng cao**

1. Lí thuyết:

Phần thứ nhất: Khái quát nền kinh tế - xã hội thế giới: (Địa lí lớp 11 Nâng cao)

1. Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước.
2. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, nền kinh tế tri thức.
3. Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.
4. Một số vấn đề mang tính toàn cầu.

Phần thứ hai: Địa lí khu vực và quốc gia:

1. Khu vực Đông Nam Á (Địa lí lớp 11 Nâng cao).
2. Biển Đông (liên hệ Việt Nam), *thuộc Bài 9 và Bài 57 sách giáo khoa Địa lí lớp 12 Nâng cao.*

3. Chủ đề “Địa lí Dân cư” (Địa lí lớp 12 nâng cao).

4. Chủ đề “Địa lí các ngành kinh tế” (Địa lí lớp 12 nâng cao).

2 Thực hành:

Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích; đọc và khai thác các kiến thức từ bản đồ, lược đồ, sơ đồ, bảng số liệu... liên quan đến các nội dung trên.

*** CẤU TRÚC ĐỀ THI OLYMPIC ĐỊA LÍ 11:** Đề thi gồm 5 câu

Điều chỉnh lại như sau:

- **Câu 1, 2** (8 điểm): Nằm trong phần “Khái quát nền kinh tế - xã hội thế giới” (Địa lí lớp 11 Nâng cao).

- **Câu 3** (4 điểm): Nằm trong phần “Địa lí khu vực và quốc gia” (Khu vực Đông Nam Á - Địa lí lớp 11 Nâng cao; Biển Đông - liên hệ Việt Nam - Địa lí lớp 12 Nâng cao).

- **Câu 4** (4 điểm): Nằm trong chủ đề “Địa lí Dân cư” (Địa lí lớp 12 nâng cao).

- **Câu 5** (4 điểm): Vẽ biểu đồ - nhận xét - giải thích hoặc nhận xét bảng số liệu - giải thích, hoặc phân tích bản đồ, lược đồ, sơ đồ (nội dung phần “Địa lí các ngành kinh tế” Địa lí lớp 12 nâng cao).

***** Lưu ý cho cả lớp 10 và 11:**

- Tổng số điểm toàn bài là 20 điểm, số điểm lẻ cho đến 0,25 điểm.

- Thời gian làm bài 180 phút.

- Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam và Tập bản đồ thế giới và các châu lục trong khi thi.

**CẤU TRÚC ĐỀ THI OLYMPIC 19/5 CẤP TỈNH
ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2020-2021
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN THPT – Thời gian làm bài 180 phút**

(Đính kèm Công văn số: /SGDDT-GDTrH ngày tháng 01 năm 20210)

I. LỚP 10

Câu 1 (4 điểm)				Nội dung đề thi ra trong giới hạn các bài sau: - Bài 3: Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất. - Bài 5: Cách thức vận động và phát triển của sự vật và hiện tượng. - Bài 7: Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. - Bài 12: Công dân với tình yêu, hôn nhân và gia đình. - Bài 13: Công dân với cộng đồng. - Bài 14: Công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
Nhận biết 30%	Thông hiểu 30%	Vận dụng 30%	Vận dụng cao 10%	
Câu 2 (4 điểm)				
Nhận biết 30%	Thông hiểu 30%	Vận dụng 30%	Vận dụng cao 10%	
Câu 3 (4 điểm)				
Nhận biết 30%	Thông hiểu 30%	Vận dụng 30%	Vận dụng cao 10%	
Câu 4 (4 điểm)				
Nhận biết 30%	Thông hiểu 30%	Vận dụng 30%	Vận dụng cao 10%	
Câu 5 (4 điểm)				
Nhận biết 30%	Thông hiểu 30%	Vận dụng 30%	Vận dụng cao 10%	

II. LỚP 11

Câu 1 (4 điểm)				Nội dung đề thi ra trong giới hạn các bài sau: - Bài 3: Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá. - Bài 4: Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa - Bài 5: Cung cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa - Bài 12: Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường - Bài 13: Chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá. - Bài 14: Chính sách quốc phòng và an ninh.
Nhận biết 30%	Thông hiểu 30%	Vận dụng 30%	Vận dụng cao 10%	
Câu 2 (4 điểm)				
Nhận biết 30%	Thông hiểu 30%	Vận dụng 30%	Vận dụng cao 10%	
Câu 3 (4 điểm)				
Nhận biết 30%	Thông hiểu 30%	Vận dụng 30%	Vận dụng cao 10%	
Câu 4 (4 điểm)				
Nhận biết 30%	Thông hiểu 30%	Vận dụng 30%	Vận dụng cao 10%	
Câu 5 (4 điểm)				
Nhận biết 30%	Thông hiểu 30%	Vận dụng 30%	Vận dụng cao 10%	

**CẤU TRÚC ĐỀ THI OLYMPIC 19/5 CẤP TỈNH
ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2020-2021
MÔN TIN HỌC THPT**

(Đính kèm Công văn số: /SGDDT-GDTrH ngày tháng 01 năm 20210)

I. Hình thức thi

- Lập trình trên máy tính giải các bài toán.
- Số lượng bài toán: tối thiểu 3 bài. Mỗi bài toán sẽ có nhiều thuật toán để giải, được phân loại theo độ phức tạp thời gian.
- Ngôn ngữ lập trình: Pascal, C, C++, Python.
- Thời gian làm bài 180 phút.

II. Nội dung kiến thức, kỹ năng

Bao gồm kiến thức các môn học đã học trong chương trình phổ thông.

Phân loại theo các mức độ khó, từ mức độ 1 (dễ nhất) đến mức độ 4 (khó nhất). Mỗi mức độ có giới hạn cần đáp ứng được về: kỹ năng lập trình, cấu trúc dữ liệu, chiến lược, thuật toán.

1. Mức độ 1

a) Kỹ năng lập trình

- Thao tác với tệp văn bản, thiết bị vào, thiết bị ra.
- Cấu trúc lập trình cơ bản.

b) Cấu trúc dữ liệu

- Mảng (array): một chiều.
- Xâu (string).

c) Chiến lược, thuật toán

- Chiến lược Duyệt.
- Các thuật toán liên quan đến tính chất của số nguyên.
- Tìm kiếm.
- Sắp xếp.

2. Mức độ 2

a) Kỹ năng lập trình

- Bao gồm các kỹ năng lập trình của mức độ 1.

b) Cấu trúc dữ liệu

- Bao gồm các cấu trúc dữ liệu của mức độ 1.
- Mảng (array): nhiều chiều.
- Tập hợp (set).

c) Chiến lược, thuật toán

- Bao gồm các chiến lược, thuật toán của mức độ 1.
- Tham lam (greedy).
- Ad-hoc.

3. Mức độ 3

a) Kỹ năng lập trình

- Bao gồm các kỹ năng lập trình của mức độ 2.
- Kỹ thuật đệ quy.

b) Cấu trúc dữ liệu

- Bao gồm các cấu trúc dữ liệu của mức độ 2.
- Stack, Queue.

c) Chiến lược, thuật toán

- Bao gồm các chiến lược, thuật toán của mức độ 2.
- Quay lui (backtracking).
- Chia để trị (divide and conquer).

4. Mức độ 4

a) Kỹ năng lập trình

- Bao gồm các kỹ năng lập trình của mức độ 3.

b) Cấu trúc dữ liệu

- Bao gồm các cấu trúc dữ liệu của mức độ 3.
- Đồ thị.

c) Chiến lược, thuật toán

- Bao gồm các chiến lược, thuật toán của mức độ 3.
- Quy hoạch động (dynamic programming).
- Tìm đường trên đồ thị (Depth-First Search, Breadth-First Search).

-----Hết-----